

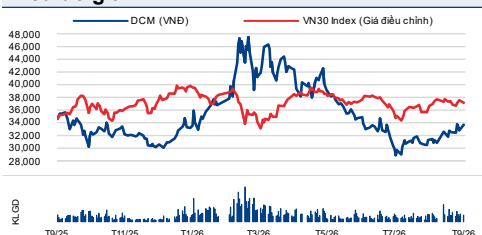
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ49,600
Tiềm năng tăng/giảm: 46.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (22/9/2026)	33,950
Mã Bloomberg	DCM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	28,900-47,459
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	33,567
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	17,973
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	691
Slg CP lưu hành (tr.đv)	529
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	259
Slg CP NN được mua (tr.đv)	208
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	9.67%
Tỷ lệ freefloat	24.4%
Cổ đông lớn	PVN (75.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	16,961	23,003	23,766
EBITDA đc (tỷ đồng)	2,190	3,078	2,803
LNTT (tỷ đồng)	2,157	3,071	2,800
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,915	2,732	2,491
FCF (tỷ đồng)	(1,638)	2,959	1,175
EPS ĐC (đồng)	3,618	5,161	4,705
DPS (đồng)	1,500	1,500	1,500
BVPS (đồng)	20,228	23,373	26,107
T.trưởng EBITDA (%)	70.2	40.5	(8.93)
T.trưởng EPS ĐC (%)	56.7	42.7	(8.84)
Tăng trưởng DPS (%)	(25.0)	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	12.9	13.4	11.8
Tỷ suất LNTT (%)	12.7	13.4	11.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	11.3	11.9	10.5
Tỷ lệ LN trả CT (%)	41.5	29.1	31.9
Nợ thuần/VCSH (%)	(5.70)	(25.0)	(22.9)
ROAE (%)	18.4	23.7	19.0
ROACE (%)	16.3	21.0	16.4
EV/doanh thu (lần)	0.74	0.43	0.39
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.76	3.24	3.32
P/E ĐC (lần)	9.38	6.58	7.22
P/B (lần)	1.68	1.45	1.30
Lợi suất cổ tức (%)	4.42	4.42	4.42

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DCM là công ty sản xuất phân đạm urea hạt đục duy nhất tại Việt Nam. DCM hiện đang chiếm 30% thị phần trên thị trường urea nội địa.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng cao cấp
kim.thong@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

ĐHCD bất thường: Đảm bảo nguồn cung khí; lợi nhuận duy trì tích cực

- Vào ngày 23/9, DCM đã tổ chức ĐHCĐ bất thường năm 2026 và toàn bộ các tờ trình đều được thông qua, bao gồm Sửa đổi bổ sung số 12 của Hợp đồng mua bán khí với PVN.
- Theo Sửa đổi bổ sung số 12, nguồn khí từ cụm mỏ Nam Du - U Minh (ND-UM) được bổ sung kể từ cuối năm 2028, qua đó củng cố khả năng đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào dài hạn của DCM. ND-UM dự kiến bắt đầu cung cấp khí từ Q4/2028, đáp ứng 60,6% nhu cầu khí đầu vào tối thiểu của DCM với giá cơ sở 10,39 USD/MMBTU, tăng 2,25% mỗi năm, cộng thêm phí vận chuyển 1,17 USD/MMBTU. BLĐ kỳ vọng chi phí khí bình quân từ các nguồn cung sẽ duy trì tương đối ổn định, đồng thời tiếp tục tìm kiếm và bổ sung thêm các nguồn khí khác.
- HSC đang xem xét lại các dự báo. DCM đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 12 tháng tới là 7,8 lần, thấp hơn 0,9 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2022 ở mức 10,3 lần.

Sự kiện: Các nội dung chính từ ĐHCĐ bất thường năm 2026

Vào ngày 23/9, DCM đã tổ chức ĐHCĐ bất thường năm 2026 và tất cả các tờ trình đều được thông qua, bao gồm Sửa đổi bổ sung số 12 của Hợp đồng mua bán khí với PVN. Các nội dung chính gồm:

Định hướng phát triển đến năm 2050

DCM đặt mục tiêu tăng gấp đôi doanh thu hợp nhất lên 35 nghìn tỷ đồng vào năm 2030, tương ứng tăng trưởng với tốc độ CAGR trên 11%. Trong giai đoạn 2036-2050, tăng trưởng doanh thu dự kiến chậm lại còn 2-4%/năm; các sản phẩm mới từ hoạt động R&D đóng góp 42-68% doanh thu, trong khi xuất khẩu và kinh doanh quốc tế chiếm 30-40%. Về hiệu quả hoạt động, Công ty đặt mục tiêu ROE bình quân trên 10% và ROA trên 5% trong giai đoạn 2031-2050.

Để đạt các mục tiêu này, DCM tập trung vào ba trụ cột chiến lược: (1) củng cố mảng phân bón cốt lõi; (2) mở rộng sang lĩnh vực hóa chất và khí công nghiệp, đồng thời từng bước phát triển các sản phẩm hóa chất xanh; và (3) đầu tư vào công nghệ sinh học và chế biến sau thu hoạch, bao gồm công nghệ vi sinh, enzym, nuôi cấy mô, tạo giống, chế biến nông sản và dược liệu, thực phẩm chức năng và nông nghiệp đô thị.

Thông qua Sửa đổi bổ sung số 12 của Hợp đồng mua bán khí với PVN

Nguồn khí hiện hữu từ lô PM3-CAA cung cấp cho Nhà máy Đạm Cà Mau đang suy giảm dần, khiến DCM cần bổ sung các nguồn khí mới để đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào dài hạn.

Nguồn cung khí từ cụm mỏ Nam Du – U Minh dự kiến bắt đầu được cung cấp từ Q4/2028, với sản lượng ổn định tối thiểu khoảng 269,7 triệu m³/năm, tương đương 35-36% nhu cầu của nhà máy. Giá khí cơ sở là 10,39 USD/MMBTU, tăng 2,25% mỗi năm, cộng thêm phí vận chuyển 1,17 USD/MMBTU.

Về chi phí khí: Theo BLĐ, giá khí Nam Du–U Minh nhìn chung tương đương giá DCM hiện mua từ Petronas, được xác định bằng 12,7% giá dầu Brent. Tính theo giá khí đầu vào bình quân từ các nguồn cung trong giai đoạn 2028-2034, BLĐ kỳ vọng chi phí khí đầu vào sẽ duy trì tương đối ổn định so với mức hiện tại. Do giá urê thường biến động cùng chiều với giá dầu thế giới, DCM cho rằng Công ty có thể chuyển phần chi phí khí tăng thêm vào giá bán, qua đó bảo vệ tỷ suất lợi nhuận.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 23/9.

(Xem tiếp trang 2)

Nguồn cung khí dài hạn: PetroVietnam (PVN), cổ đông sở hữu 75,56% cổ phần DCM, sẽ tiếp tục đảm bảo các nguồn khí dài hạn bổ sung, bao gồm Khánh Mỹ–Đầm Dơi, Hoa Mai và Lô B, nhằm hỗ trợ nhà máy duy trì hoạt động hết công suất.

Cập nhật KQKD 8 tháng đầu năm 2026

Mặc dù giá dầu tăng 30% và chi phí khí đầu vào tăng 27%, gây áp lực lên chi phí sản xuất và sức mua trong nước nhưng lợi nhuận của DCM vẫn duy trì tích cực. Doanh thu hợp nhất ước tính tăng hơn 30% so với cùng kỳ, trong khi lợi nhuận hợp nhất tăng khoảng 50%, qua đó đã vượt mức thực hiện cả năm 2025.

Xuất khẩu được đẩy mạnh: Sản lượng xuất khẩu sang Australia – thị trường cấp độ 1 với các tiêu chuẩn khắt khe – tăng gấp đôi so với cùng kỳ, với giá bán cao hơn mức bình quân. DCM cũng mở rộng hoạt động sang Thái Lan, Campuchia, Myanmar, Philippines và Sri Lanka.

Hiệu quả chi phí cải thiện: DCM giảm 5% mức tiêu hao khí đầu vào, tương ứng tiết kiệm khoảng 1 triệu USD/năm trên tổng lượng tiêu thụ 21-22 triệu MMBTU.

Mảng NPK mở rộng: DCM đã phát triển 60 công thức sản phẩm và 20 mẫu bao bì, với sản lượng tiêu thụ lũy kế đạt 350.000 tấn sau bốn năm.

Hoạt động thương mại mở rộng: Công ty đẩy mạnh kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón, bao gồm DAP và MOP.

Các nội dung khác

ĐHCD bắt thường cũng thông qua các tờ trình về: bổ sung hoạt động kinh doanh khí công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ vận tải/logistics vào ngành nghề kinh doanh của Công ty; điều chỉnh số lượng thành viên HĐQT từ 5-7 người lên 6-8 người; và chuẩn hóa tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên HĐQT độc lập. Đại hội cũng bầu bổ sung ông Phạm Văn Phong làm thành viên HĐQT độc lập, nâng tổng số thành viên HĐQT lên tám người.

Xem xét lại dự báo

DCM đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 12 tháng tới là 7,8 lần, thấp hơn 0,9 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2022 ở mức 10,3 lần.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	13,456	16,961	23,003	23,766	23,766
Lợi nhuận gộp	2,513	4,035	5,626	5,439	5,415
Chi phí BH&QL	(1,495)	(2,189)	(2,968)	(3,067)	(3,067)
Thu nhập khác	1.12	5.58	0	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	1,019	1,852	2,657	2,372	2,348
Lãi vay thuần	305	305	414	428	428
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LN TT	1,324	2,157	3,071	2,800	2,776
Chi phí thuế TNDN	(94.1)	(239)	(322)	(294)	(291)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(8.35)	(2.03)	(16.5)	(15.0)	(14.9)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,222	1,915	2,732	2,491	2,469
Lợi nhuận thuần ĐC	1,222	1,915	2,732	2,491	2,469
EBITDA ĐC	1,287	2,190	3,078	2,803	2,788
EPS (đồng)	2,308	3,618	5,161	4,705	4,664
EPS ĐC (đồng)	2,308	3,618	5,161	4,705	4,664
DPS (đồng)	2,000	1,500	1,500	1,500	1,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	529	529	529	529	529
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	529	529	529	529	529
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	529	529	529	529	529

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	1,903	3,590	5,476	5,711	5,956
Đầu tư ngắn hạn	7,039	4,082	4,490	4,939	5,433
Phải thu khách hàng	529	1,263	1,204	1,406	1,484
Hàng tồn kho	2,950	4,804	4,902	5,642	5,882
Các tài sản ngắn hạn khác	500	709	830	905	930
Tổng tài sản ngắn hạn	12,921	14,449	16,903	18,603	19,685
TSCĐ hữu hình	2,172	2,416	2,259	2,098	1,932
TSCĐ vô hình	364	426	424	419	414
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	272	354	227	299	298
Tổng tài sản dài hạn	2,808	3,196	2,910	2,815	2,643
Tổng cộng tài sản	15,729	17,645	19,813	21,419	22,328
Nợ ngắn hạn	1,229	2,226	1,926	1,926	1,926
Phải trả người bán	1,612	1,764	2,213	2,145	2,131
Nợ ngắn hạn khác	1,556	1,220	1,391	1,455	871
Tổng nợ ngắn hạn	4,681	5,982	6,122	6,251	5,725
Nợ dài hạn	120	56.8	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	751	866	1,269	1,284	1,275
Tổng nợ dài hạn	871	923	1,269	1,284	1,275
Tổng nợ phải trả	5,552	6,905	7,391	7,535	7,000
Vốn chủ sở hữu	10,144	10,709	12,374	13,821	15,249
Lợi ích cổ đông thiểu số	32.8	31.4	47.9	63.0	77.9
Tổng vốn chủ sở hữu	10,177	10,740	12,422	13,884	15,327
Tổng nợ phải trả và VCSH	15,729	17,645	19,813	21,419	22,328
BVPS (đ)	19,162	20,228	23,373	26,107	28,805
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(554)	(1,308)	(3,551)	(3,786)	(4,030)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	1,019	1,852	2,657	2,372	2,348
Khấu hao	(268)	(339)	(420)	(431)	(440)
Lãi vay thuần	305	305	414	428	428
Thuế TNDN đã nộp	(94.1)	(239)	(322)	(294)	(291)
Thay đổi vốn lưu động	(912)	(2,424)	706	(945)	(876)
Khác	(509)	(1,043)	(656)	(553)	(559)
LCT thuần từ HKKD	77.5	(1,211)	3,219	1,439	1,489
Đầu tư TS dài hạn	(791)	(427)	(261)	(265)	(269)
Góp vốn & đầu tư	(14,041)	(11,373)	(408)	(449)	(494)
Thanh lý	4.09	0	0	0	0
Khác	14,786	14,820	545	563	563
LCT thuần từ HĐĐT	(41.6)	3,021	(124)	(150)	(199)
Cổ tức trả cho CSH	(1,059)	(1,055)	(794)	(794)	(794)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	437	934	(416)	(260)	(251)
Khác	(2.91)	(1.60)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(625)	(123)	(1,210)	(1,054)	(1,045)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,284	1,903	3,590	5,476	5,711
LCT thuần trong kỳ	(589)	1,687	1,886	235	244
Ảnh hưởng của tỷ giá	208	0.14	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,903	3,590	5,476	5,711	5,956
Dòng tiền tự do	(714)	(1,638)	2,959	1,175	1,220

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	18.7	23.8	24.5	22.9	22.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	9.57	12.9	13.4	11.8	11.7
Tỷ suất LNT (%)	9.08	11.3	11.9	10.5	10.4
Thuế TNDN hiện hành (%)	7.10	11.1	10.5	10.5	10.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	7.04	26.0	35.6	3.32	0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(28.0)	70.2	40.5	(8.93)	(0.54)
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	10.2	56.7	42.7	(8.84)	(0.86)
Tăng trưởng EPS (%)	10.2	56.7	42.7	(8.84)	(0.86)
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	10.2	56.7	42.7	(8.84)	(0.86)
Tăng trưởng DPS (%)	0	(25.0)	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	86.6	41.5	29.1	31.9	32.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	12.2	18.4	23.7	19.0	17.0
ROACE (%)	9.36	16.3	21.0	16.4	14.8
Vòng quay tài sản (lần)	0.87	1.02	1.23	1.15	1.09
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.08	(0.65)	1.21	0.61	0.63
Số ngày tồn kho	98.4	136	103	112	117
Số ngày phải thu	17.6	35.7	25.3	28.0	29.5
Số ngày phải trả	53.8	49.8	46.5	42.7	42.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(3.17)	(5.70)	(25.0)	(22.9)	(21.9)
Nợ/tài sản (%)	10.1	16.9	12.1	11.9	11.7
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.23	1.36	0.78	0.91	0.94
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.76	2.42	2.76	2.98	3.44
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.77	0.74	0.43	0.39	0.36
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.09	5.76	3.24	3.32	3.08
P/E (lần)	14.7	9.38	6.58	7.22	7.28
P/E ĐC (lần)	14.7	9.38	6.58	7.22	7.28
P/B (lần)	1.77	1.68	1.45	1.30	1.18
Lợi suất cổ tức (%)	5.89	4.42	4.42	4.42	4.42

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2026.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn